

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Số: *3899*/KH-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Nai, ngày 10 tháng 6 năm 2011

KẾ HOẠCH

**Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động
của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011 - 2015**

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Chỉ thị số 58-CT/TW ngày 17/10/2000 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa;

Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng Công nghệ Thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Quyết định số 246/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển CNTT và TT Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020;

Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 27/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011- 2015;

Quyết định số 2530/QĐ-UBND ngày 09/8/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai về Quy hoạch Phát triển Bưu chính Viễn thông và Công nghệ thông tin tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2006 - 2010 và định hướng đến năm 2020,

II. TÌNH HÌNH ỨNG DỤNG CNTT CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI GIAI ĐOẠN 2006 – 2010

1. Về tình hình xây dựng quy hoạch, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước

Trong giai đoạn 2006 – 2010, Đồng Nai sớm xây dựng Quy hoạch phát triển bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin nhằm ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong hoạt động nội bộ của cơ quan nhà nước, xây dựng chính quyền điện tử tại Đồng Nai. Theo đó, tỉnh xây dựng Chương trình phát triển bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin giai đoạn 2006 – 2010, Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin giai đoạn 2009 – 2010 và các kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin hàng năm nhằm cụ thể hóa Quy hoạch đã đề ra.

Có 72 dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước dự kiến thực hiện trong giai đoạn này, trong đó 25 dự án thuộc nhóm phát triển hạ tầng kỹ thuật; 33 dự án thuộc nhóm phục vụ chỉ đạo và điều hành; 13 dự án thuộc nhóm phục vụ cho người dân và doanh nghiệp và 01 dự án thuộc nhóm phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin. Tổng kinh phí dự kiến thực hiện là 321 tỷ đồng, nguồn vốn từ ngân sách tỉnh và Trung ương hỗ trợ.

Đến nay, chỉ có 62,5% dự án đã và đang triển khai theo kế hoạch đề ra. Trong đó, 20 dự án hoàn thành, đưa vào khai thác sử dụng với tổng kinh phí thực hiện là 77,8 tỷ đồng; 25 dự án đang trong giai đoạn lập, xây dựng dự án, phê duyệt đấu thầu hoặc đang triển khai nhưng chưa hoàn thành, tổng kinh phí dự kiến là 193,6 tỷ đồng;

còn lại 27 dự án chưa thực hiện, trong số này dự kiến có 17 dự án tiếp tục thực hiện trong giai đoạn sau.

2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước

Sau khi triển khai các dự án thuộc Chương trình, Kế hoạch hàng năm nhằm cụ thể hóa Quy hoạch đã đề ra, đến nay công nghệ thông tin (CNTT) đã được ứng dụng rộng rãi trong cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

a) Về cơ sở hạ tầng phục vụ cho ứng dụng công nghệ thông tin:

Tổng số máy tính trong các cơ quan nhà nước các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố là 3.839 máy tính, bao gồm 3.206 máy tính để bàn, 429 máy tính xách tay, 204 máy chủ; tỷ lệ máy tính được trang bị cho cán bộ công chức là 90,5%.

Có 100% các cơ quan nhà nước đã có hệ thống mạng nội bộ và kết nối internet; 100% UBND các xã, phường thị trấn trên địa bàn tỉnh được kết nối Internet.

100% các cơ quan nhà nước từ cấp huyện trở lên kết nối vào mạng truyền số liệu chuyên dùng để phục vụ việc ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng nền tảng kết nối, cung cấp, chia sẻ thông tin với cơ quan khác của Nhà nước.

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 34/2009/QĐ-UBND ngày 21/5/2009 nhằm hướng dẫn triển khai thực hiện công tác đảm bảo an toàn an ninh thông tin trong vấn đề ứng dụng CNTT tại các cơ quan nhà nước; hàng năm, giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì phối hợp các đơn vị có liên quan tổ chức, kiểm tra tình hình đảm bảo an toàn thông tin tại các cơ quan Đảng, Nhà nước.

Các sự cố về đảm bảo an toàn thông tin thường xảy ra bao gồm: Máy tính người sử dụng bị nhiễm virus, hộp thư điện tử bị gửi thư rác, một số trang thông tin điện tử bị tấn công, phần mềm bị lỗi, hư hỏng các thiết bị phần cứng.... Kết quả kiểm tra thực tế cho thấy, có 68% đơn vị có hệ thống bảo vệ hệ thống mạng nội bộ nhưng chưa thực sự đảm bảo an toàn; 51% đơn vị chưa được trang bị hệ thống chống sét cho hệ thống mạng nội bộ của mình; 22% đơn vị xây dựng quy chế đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong nội bộ cơ quan.

b) Về ứng dụng phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành

Có khoảng 10.000 hộp thư điện tử Đồng Nai cấp cho đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan Đảng và Nhà nước để ứng dụng trao đổi công việc với nhau trên mạng, trong đó 30% hộp thư được khai thác sử dụng thường xuyên, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động, năng suất lao động, thực hành tiết kiệm.

100% cơ quan nhà nước cấp huyện trở lên được triển khai phần mềm quản lý văn bản và điều hành, thực hiện gửi nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan với nhau, một số loại văn bản được gửi nhận điện tử thay thế văn bản giấy, góp phần tiết kiệm giấy tờ, thời gian. Việc trao đổi thông tin trên mạng trong các cơ quan nhà nước từng bước được thực hiện trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của tỉnh, nhằm đảm bảo an toàn, an ninh thông tin.

Đã đưa ứng dụng công nghệ thông tin vào phục vụ các sự kiện quan trọng của tỉnh như: Đại hội Đảng các cấp, Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, triển khai các chương trình, nghị quyết của Đảng.

Các ngành, các cấp đã xây dựng các ứng dụng để nâng cao hiệu quả hoạt động, phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ, phục vụ cải cách hành chính, nổi bật có các ngành như tài chính, khoa học công nghệ, tài nguyên môi trường, y tế, giáo dục, tư pháp, công an.

Hình thành các cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước, như: Sở Nội vụ đã xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý cán bộ công chức; Sở Lao động Thương binh và Xã hội xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý người có công, giảm nghèo; Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý 10 vạn hỏi đáp khoa học kỹ thuật, cơ sở dữ liệu các văn bản pháp luật của tỉnh; Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng cơ sở dữ liệu ngành tài nguyên môi trường; Sở Công Thương xây dựng cơ sở dữ liệu GIS về thương mại – du lịch Đồng Nai; Công an tỉnh xây dựng thư viện điện tử và các cơ sở dữ liệu phục vụ ngành công an.

Một số hoạt động khác như: Kiện toàn Ban chỉ đạo CNTT tỉnh; tổ chức các hội thi cho cán bộ, công chức nhằm tuyên truyền nâng cao nhận thức về ứng dụng công nghệ thông tin; triển khai phần mềm văn phòng có bản quyền của Microsoft, phần mềm mã nguồn mở nhằm hạn chế vi phạm bản quyền phần mềm; tổ chức, kiểm tra, đánh giá định kỳ hàng năm về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin khi ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

c) Về ứng dụng phục vụ người dân và doanh nghiệp

Có 28 trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước và sự nghiệp trên địa bàn tỉnh, trong đó có 15 trang của cơ quan nhà nước, 04 trang của cơ quan Đảng và đoàn thể, 09 trang của đơn vị sự nghiệp nhà nước. Riêng đối với cơ quan hành chính nhà nước, đã đưa lên trang thông tin điện tử tỉnh Đồng Nai 1.259 thủ tục hành chính công khai trên mạng để cung cấp các dịch vụ công, trong đó 467 dịch vụ công mức 1; 787 dịch vụ công mức 2; 05 dịch vụ công mức 3. Tỉnh đang triển khai nâng cấp Cổng thông tin điện tử tỉnh để các cơ quan nhà nước cùng tham gia, cung cấp thông tin, dịch vụ công trực tuyến, tăng cường hiệu quả phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Các ngành đã triển khai ứng dụng trực tuyến để phục vụ người dân và doanh nghiệp như công thương mại điện tử, cấp giấy phép kinh doanh, đầu tư, công khai thông tin đấu thầu, ứng dụng một cửa điện tử, triển khai kênh hỗ trợ trực tuyến. Một số cơ quan ứng dụng để quản lý quy trình một cửa như: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, UBND huyện Trảng Bom, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Đã triển khai Đề án 191 hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng CNTT phục vụ hội nhập và phát triển; triển khai chương trình đưa ứng dụng CNTT về phục vụ nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; triển khai mô hình cung cấp thông tin khoa học và công nghệ tại các trung tâm học tập và cộng đồng, góp phần hỗ trợ, phục vụ người dân và doanh nghiệp.

d) Nguồn nhân lực công nghệ thông tin

Đã tổ chức các lớp phổ cập tin học trình độ A và B cho gần 8.000 lượt cán bộ công chức, viên chức, đảng viên, đoàn viên, thanh niên trên địa bàn thông qua các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực CNTT; cử cán bộ tham gia các lớp đào tạo CNTT từ cao đẳng trở lên; tổ chức các lớp tập huấn tin học ngắn hạn để

phục vụ ứng dụng trong công việc như sử dụng phần mềm mã nguồn mở, thư điện tử, phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc.

Đến nay, tổng số cán bộ có kiến thức về ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước từ cấp huyện trở lên là 3.213 người, trong đó số cán bộ trình độ A tin học là 1.903 người (chiếm 47,37%); trình độ B tin học là 1.033 người (chiếm 25,71%); trình độ trung cấp là 97 người (chiếm 2,4%); trình độ cao đẳng là 54 người (chiếm 1,3%); trình độ đại học là 126 người (chiếm 3,13%). Tỷ lệ cán bộ, công chức sử dụng thành thạo máy tính là 80%.

Tổng số cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm làm công tác CNTT là 154 người, hầu hết phân bố trong các cơ quan nhà nước, trong đó có cả lãnh đạo và nhân viên đa số là kiêm nhiệm với nhiều vị trí công tác khác nhau, một số đơn vị ứng dụng mạnh về công nghệ thông tin đã có bộ phận chuyên trách như Văn phòng UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, Cục Hải Quan tỉnh, Cục Thuế tỉnh.

3. Đánh giá

a) Kết quả đạt được

Công nghệ thông tin được ứng dụng rộng rãi trong các cơ quan nhà nước, góp phần nâng cao năng lực điều hành, quản lý của cơ quan nhà nước, nâng cao hiệu quả phục vụ người dân và doanh nghiệp được tốt hơn, góp phần rút ngắn thời gian giải quyết công việc của các cán bộ, công chức, giúp giải phóng sức lao động, tạo điều kiện để cán bộ, công chức nâng cao kiến thức, tham gia sáng tạo, cải tiến công việc.

Hình thành cơ bản hệ thống kết nối mạng giữa các cơ quan nhà nước với nhau, tạo nền tảng cơ sở hạ tầng triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin từ tỉnh đến huyện; 100% các cơ quan nhà nước cấp huyện trở lên có mạng nội bộ và kết nối Internet; phần lớn cán bộ công chức nhà nước được trang bị máy tính để phục vụ công việc hành chính (chiếm tỷ lệ 90,5%).

Các cuộc họp giữa Lãnh đạo tỉnh với Trung ương, giữa các sở, ban, ngành và cơ quan cấp Bộ được thực hiện trên môi trường mạng. Có một số ngành triển khai họp trực tuyến thường xuyên như: Khoa học công nghệ, thông tin truyền thông, tài nguyên môi trường.

100% các sở, ban ngành, UBND cấp huyện được cài đặt phần mềm quản lý văn bản và điều hành và 100% cán bộ, công chức trực thuộc được cấp thư điện tử Đồng Nai để sử dụng; hầu hết việc trao đổi trên mạng được thực hiện qua thư điện tử Đồng Nai đã góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động, năng suất lao động, thực hành tiết kiệm; bước đầu các cơ quan đã triển khai gửi nhận các văn bản điện tử thay văn bản giấy thông thường; các văn bản phục vụ cuộc họp được cung cấp dưới dạng văn bản điện tử cho các đại biểu trước các cuộc họp nhằm giảm giấy tờ, tăng thời gian thảo luận trong các cuộc họp tập trung;

Thông tin hoạt động nhà nước, các thủ tục hành chính và một số thông tin chỉ đạo điều hành của lãnh đạo được công khai, đưa lên mạng qua trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin của các cơ quan nhà nước, góp phần cung cấp thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn; trang thông tin điện tử tỉnh xếp hạng 03 về tổng thể website/portal và cung cấp dịch vụ công trực tuyến của các địa phương.

Chỉ số sẵn sàng cho ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin của Đồng Nai ở mức khá so với các tỉnh/thành trong cả nước.

b) Kết quả chưa đạt

Nhiều chương trình dự án chưa triển khai theo đúng tiến độ đề ra: Nguyên nhân do là việc thực hiện quy hoạch, chương trình, kế hoạch hàng năm chưa triệt để; thiếu công tác hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đôn đốc của cơ quan quản lý đối với việc thực hiện các dự án; cơ quan được giao làm chủ đầu tư thiếu kinh nghiệm trong đầu tư các dự án công nghệ thông tin; việc ban hành các quy định, hướng dẫn đầu tư và các tiêu chuẩn kỹ thuật về công nghệ thông tin chưa kịp thời so với sự phát triển và nhu cầu ứng dụng trong các cơ quan nhà nước; việc bố trí kinh phí triển khai các chương trình, dự án công nghệ thông tin của tỉnh còn chậm, nguồn ngân sách nhà nước dành cho công nghệ thông tin còn rất hạn chế.

Một số dự án triển khai thiếu sự thống nhất chung giữa các ngành liên quan, còn dàn trải, không có trọng tâm, trọng điểm và đồng bộ, gây trùng lặp, lãng phí và không khai thác hết hiệu quả của đầu tư dự án mang lại: Nguyên nhân là do các dự án chủ yếu tập trung đầu tư hạ tầng, trang thiết bị máy móc, ít quan tâm triển khai các ứng dụng, công tác đào tạo, xây dựng nguồn nhân lực vận hành, còn coi nhẹ vấn đề bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong các cơ quan nhà nước, nhất là các huyện và một số sở, ban, ngành.

Việc khai thác chia sẻ các cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước chưa triệt để, dễ lãng phí trong đầu tư: Nguyên nhân là do thiếu tính liên kết cơ sở hạ tầng giữa các cơ quan nhà nước với nhau, hạ tầng kết nối mạng nội bộ trong cùng đơn vị không liên thông với nhau nhằm khai thác triệt để cơ sở dữ liệu dùng chung, một số cơ sở dữ liệu không được cập nhật thường xuyên.

Đến nay, chỉ có khoảng 30% hộp thư điện tử được cấp cho cán bộ công chức, cơ quan nhà nước thường xuyên sử dụng chưa đạt so với chỉ tiêu 80% đã đề ra; chỉ có 32,5 % các cơ quan nhà nước có trang thông tin điện tử để phục vụ người dân và doanh nghiệp, chưa đạt so với chỉ tiêu 100% đã đề ra; chỉ một số ít dịch vụ công đạt được ở mức độ 3 dịch vụ công trực tuyến: Nguyên nhân là do chậm triển khai nâng cấp đảm bảo hạ tầng sử dụng, thiếu nguồn lực vận hành, nhận thức của cán bộ công chức còn hạn chế trong việc ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công việc hiệu quả hơn.

Nguồn nhân lực chưa đáp ứng được việc vận hành ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ các cơ quan nhà nước: Nguyên nhân là do trình độ cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm công nghệ thông tin còn hạn chế; nhân lực còn thiếu cả về số lượng và chất lượng; một số cơ quan không có cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm công nghệ thông tin; mặc dù tỉnh đã có chính sách thu hút đối với người làm công tác công nghệ thông tin nhưng việc thu hút nhân lực công nghệ thông tin có trình độ cao vào làm việc tại các cơ quan nhà nước còn gặp khó khăn do chế độ, chính sách chưa đảm bảo.

c) Đánh giá rút kinh nghiệm

Trên cơ sở kết quả đánh giá nêu trên, để cho việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin giai đoạn 2011 - 2015 đạt được hiệu quả mục tiêu đề ra, cần tổ chức tập trung thực hiện một số nội dung sau:

- Tăng cường công tác triển khai hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, giám sát thường xuyên việc thực hiện quy hoạch, chương trình, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin hàng năm của các cơ quan nhà nước.

- Tập trung triển khai các dự án có trọng tâm, trọng điểm và cần thiết đầu tư, việc triển khai cần có sự phối hợp, gắn kết giữa các ngành các cấp; cần tổ chức đánh giá hiệu quả các dự án đã triển khai; bảo đảm kinh phí (chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên) để thực hiện các nhiệm vụ, dự án ứng dụng công nghệ thông tin đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Kế thừa và phát huy những kết quả đạt được từ những dự án được triển khai; đảm bảo cơ sở hạ tầng kỹ thuật trong các cơ quan nhà nước, đặc biệt là việc kết nối mạng liên thông các phòng ban tại các huyện; ứng dụng công nghệ thông tin cần chú trọng đến vấn đề an toàn, bảo mật thông tin ngay từ khi lập kế hoạch, thiết kế hệ thống thông tin phù hợp với yêu cầu thực tế.

- Nâng cao nhận thức về vai trò, hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước; lãnh đạo các đơn vị cần có sự quan tâm về tầm ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động điều hành và phục vụ người dân và doanh nghiệp gắn với cái cách hành chính.

- Tăng cường công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin; tập hợp các nguồn lực của tỉnh để phát huy sức mạnh tổng hợp nhằm thúc đẩy ứng dụng và phát triển CNTT-TT; xây dựng chính sách ưu đãi thích hợp cho cán bộ, công chức chuyên trách về công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước, nhằm duy trì và thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao.

III. MỤC TIÊU ỨNG DỤNG CNTT TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Nhằm nâng cao năng lực quản lý, điều hành của các cơ quan nhà nước, hướng tới xây dựng các cơ quan điện tử, đảm bảo thông tin liên lạc ở khoảng cách xa, kết nối các cơ quan và phục vụ người dân và doanh nghiệp, các mục tiêu xác định đến năm 2015:

1. Mục tiêu tổng quát

a) Xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, tạo nền tảng phát triển chính quyền điện tử.

b) Ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong hoạt động nội bộ của các cơ quan nhà nước, hướng tới nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí hoạt động; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ trong công tác chỉ đạo điều hành.

c) Cung cấp thông tin, dịch vụ công trực tuyến mức độ cao, trên diện rộng cho người dân và doanh nghiệp, làm cho hoạt động của cơ quan nhà nước minh bạch hơn, phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng thông tin, tạo nền tảng phát triển chính quyền điện tử

- Đảm bảo hạ tầng kỹ thuật phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng an toàn, hiệu quả.

- Phát triển và hoàn thiện các hệ thống thông tin, chia sẻ, khai thác các cơ sở dữ liệu của Quốc gia, của tỉnh, bao gồm các cơ sở dữ liệu về con người, tài nguyên và môi trường, tài chính, kinh tế, công nghiệp và thương mại, bảo đảm tính cấu trúc, hệ thống, tạo môi trường làm việc điện tử rộng khắp giữa các cơ quan nhà nước.

- 100% các cơ quan nhà nước; các tổ chức chính trị - xã hội; các sở, ban, ngành; các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (gọi tắt là các huyện); các xã/phường/thị trấn (gọi tắt là các xã) được kết nối vào mạng truyền dẫn tốc độ cao, an toàn, bảo mật.

b) Ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan nhà nước

- 70% các văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được trao đổi hoàn toàn dưới dạng điện tử.

- Hình thành cơ sở dữ liệu dùng chung cho các cơ quan nhà nước, tích hợp, chia sẻ thông tin giữa các cơ sở dữ liệu như: Dân cư, thuế, đất đai, xe cộ, xây dựng, thông tin kinh tế - xã hội nhằm giảm tối thiểu các thông tin yêu cầu từ người dân và doanh nghiệp.

- Bảo đảm các điều kiện về kỹ thuật để 100% các cuộc họp giữa Chính phủ với tỉnh, giữa tỉnh và các huyện có thể được thực hiện trên môi trường mạng.

- Bảo đảm các điều kiện về kỹ thuật để 100% hồ sơ quản lý cán bộ công chức các cấp được quản lý chung trên môi trường mạng.

- 100% cán bộ, công chức được cung cấp hộp thư điện tử; 90% cán bộ, công chức thường xuyên sử dụng thư điện tử trong công việc.

- 100% cơ quan nhà nước ứng dụng quản lý văn bản và điều hành trên môi trường mạng.

- 100% cán bộ, công chức làm công tác hành chính tại các cơ quan nhà nước biết sử dụng máy tính để phục vụ công việc.

- Bảo đảm dữ liệu điện tử phục vụ hầu hết các hoạt động trong cơ quan nhà nước.

c) Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp

- 100% các dịch vụ hành chính công mức độ 2 được đưa lên mạng trên cổng thông tin điện tử tỉnh; 10 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 phục vụ cho người dân và doanh nghiệp.

- 100% các địa phương các huyện ứng dụng mô hình điện tử một cửa; mở rộng mô hình điện tử một cửa tại các sở, ban, ngành và các xã trên địa bàn tỉnh.

IV. NHIỆM VỤ CƠ BẢN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Xây dựng hạ tầng cơ sở kỹ thuật

a) Tập trung xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu chung cho toàn tỉnh, tích hợp các hệ thống thông tin điện tử phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, đảm bảo có sự thống nhất, đồng bộ với Trung tâm tích hợp dữ liệu điện tử của Chính phủ.

b) Triển khai hạ tầng hệ thống giao ban điện tử trực tuyến phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước từ tỉnh đến các huyện.

c) Nâng cấp, hoàn thiện kết nối mạng nội bộ cho các sở, ban, ngành và các huyện, mở rộng, triển khai kết nối, khai thác sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng đến cấp xã, trang bị máy tính cho cán bộ, công chức làm công tác hành chính

tại các cơ quan nhà nước, tận dụng, khai thác hiệu quả mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

d) Triển khai ứng dụng chữ ký số trong giao dịch điện tử giữa các cơ quan nhà nước.

2. Chỉ đạo các sở, ban, ngành và các huyện ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của các cơ quan nhà nước

a) Thực hiện cải tiến quy trình công việc, thủ tục và chuẩn hóa nghiệp vụ; áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2008 tại các cơ quan hành chính nhà nước.

b) Đẩy mạnh ứng dụng thư điện tử Đồng Nai phục vụ trao đổi thông tin qua mạng máy tính.

c) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để quản lý văn bản và điều hành: Triển khai phần mềm quản lý văn bản và điều hành ứng dụng tại các sở, ban, ngành, các huyện, mở rộng đến các xã; thực hiện việc gửi nhận văn bản giữa các cơ quan nhà nước thông qua mạng truyền số liệu chuyên dùng.

d) Xây dựng các phần mềm và các cơ sở dữ liệu phục vụ chuyên ngành về tài nguyên môi trường, y tế, giáo dục, tài chính, ngân hàng và các ngành khác triển khai tập trung tại trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh, đảm bảo kết nối an toàn, đồng bộ và chia sẻ khai thác dữ liệu cho các cơ quan nhà nước, có sự phối hợp và hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương.

e) Triển khai các cơ sở dữ liệu quản lý về quản lý cán bộ, công chức viên chức, công khai về tuyển dụng, chế độ lương, hưu, bảo hiểm, khen thưởng, kỷ luật.

f) Xây dựng hệ thống quản lý thông tin tổng thể tích hợp các cơ sở dữ liệu của các ngành.

3. Tập trung chỉ đạo các sở, ban, ngành và các huyện đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp

a) Chỉ đạo các cơ quan sở, ban, ngành, và các huyện xây dựng các trang thông tin điện tử tích hợp vào cổng thông tin điện tử của tỉnh, cung cấp thông tin và các dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp.

b) Xây dựng các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 đối với 11 nhóm dịch vụ công tích hợp vào cổng thông tin điện tử của tỉnh: Đăng ký kinh doanh; cấp giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện; cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng; cấp giấy phép đầu tư; cấp giấy đăng ký hành nghề y, dược; lao động, việc làm; cấp, đổi giấy phép lái xe; giải quyết khiếu nại, tố cáo; đăng ký tạm trú, tạm vắng; nhóm dịch vụ đặc thù.

c) Cung cấp các thông tin hành chính thiết yếu của cơ quan nhà nước phục vụ cho nhu cầu người dân và doanh nghiệp bao gồm các lĩnh vực: Dân cư, thuế, đất đai, xe cộ, xây dựng, thông tin kinh tế - xã hội...

d) Xây dựng các kênh tiếp nhận ý kiến góp ý trên môi trường mạng, tổ chức đối thoại trực tuyến giữa các cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp.

e) Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong một cửa, một cửa liên thông tại các sở, ban, ngành và các huyện.

4. Xác định công tác đảm bảo an toàn thông tin là một trong số nhiệm vụ quan trọng, giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh và các đơn vị có liên quan triển khai các hoạt động đảm bảo an toàn thông tin khi ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ quan nhà nước

a) Thường xuyên tổ chức rà soát kiểm tra, đánh giá tình hình đảm bảo an toàn, bảo mật các hệ thống thông tin tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

b) Phân tích, đánh giá và đề xuất các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin phù hợp với quy mô của các hệ thống thông tin trong các cơ quan nhà nước.

c) Xây dựng, triển khai các giải pháp ứng dụng phần cứng, phần mềm, bảo vệ cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hệ thống thông tin dùng chung và của các ngành, các cấp nhằm đảm bảo an toàn thông tin trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ quan nhà nước.

5. Tiếp tục đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin phục vụ cho công tác ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ quan nhà nước

a) Xây dựng đội ngũ khoảng 200 cán bộ có trình độ từ cử nhân cao đẳng trở lên làm công tác chuyên trách công nghệ thông tin tại các sở, ngành, các huyện và được phân bố trong các cơ quan nhà nước.

b) Hàng năm tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức chuyên trách công nghệ thông tin các cấp.

c) Thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và nâng cao nhận thức về ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan nhà nước.

d) Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông trong công tác đào tạo nguồn nhân lực đảm bảo an toàn, an ninh thông tin.

6. Danh mục các dự án CNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011 – 2015 (Đính kèm phụ lục)

V. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC VÀ THỰC HIỆN

1. Giải pháp

a) Giải pháp tổ chức, điều hành

- Tăng cường hoạt động của Ban chỉ đạo công nghệ thông tin của tỉnh trong điều hành triển khai công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước. Nâng cao vai trò, trách nhiệm và hiệu hoạt động của cán bộ công chức phụ trách công tác công nghệ thông tin ở các cấp, các ngành

- Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước phải theo thứ tự ưu tiên dựa trên nhu cầu thực tế, bảo đảm tính hiệu quả, khả thi khi triển khai.

- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức về nhân sự quản lý công nghệ thông tin các cấp, đặc biệt là cấp huyện đến cơ sở.

- Kết hợp chặt chẽ việc triển khai kế hoạch này với Chương trình cải cách hành chính để ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước có tác dụng thực sự thúc đẩy cải cách hành chính, quá trình cải cách hành chính đặt ra

những yêu cầu, đòi hỏi cho ứng dụng công nghệ thông tin. Tăng cường công tác cải tiến quy trình làm việc, chuẩn hóa nghiệp vụ để có thể ứng dụng công nghệ thông tin một cách rộng rãi và đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở.

b) Giải pháp nâng cao nhận thức, đào tạo nguồn nhân lực

- Tổ chức tuyên truyền rộng rãi nhằm nâng cao hiểu biết, nhận thức về các lợi ích trong việc xây dựng Chính phủ điện tử cho cán bộ, công chức, người dân và doanh nghiệp. Đẩy mạnh và xã hội hóa việc bồi dưỡng, hướng dẫn kỹ năng sử dụng máy tính, khai thác Internet cho người dân.

- Tăng cường đào tạo kỹ năng về ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức.

- Bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức chuyên trách về công nghệ thông tin các cấp.

- Bồi dưỡng, nâng cao nhận thức về ứng dụng công nghệ thông tin cho lãnh đạo các cơ quan nhà nước.

- Đẩy mạnh hình thức đào tạo trực tuyến cho cán bộ, công chức.

c) Giải pháp bảo đảm môi trường pháp lý

- Triển khai các văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, các thông tư hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông đối với hoạt động ứng dụng và phát triển CNTT.

- Xây dựng và triển khai các quy định về an toàn, an ninh thông tin, đẩy mạnh sử dụng chữ ký số trong các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước.

- Xây dựng và triển khai quy định về quy trình trao đổi, lưu trữ, xử lý văn bản điện tử trong toàn tỉnh. Bảo đảm tận dụng triệt để hạ tầng kỹ thuật được trang bị để trao đổi các văn bản điện tử giữa các cơ quan nhà nước.

- Xây dựng và triển khai các quy định nhằm giảm văn bản giấy, tăng cường chia sẻ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

- Tiếp tục nghiên cứu và triển khai chính sách ưu đãi thích hợp cho cán bộ, công chức chuyên trách về công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước, nhằm duy trì và thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao.

d) Giải pháp tài chính

- Kinh phí cho các dự án, nhiệm vụ của Kế hoạch chưa có cơ sở để xác định, kinh phí này chỉ được xác định cụ thể khi các dự án, nhiệm vụ được xây dựng và phê duyệt theo quy định hiện hành về quản lý ngân sách nhà nước trong quá trình triển khai Kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm.

- Kinh phí thực hiện các dự án ứng dụng CNTT cần được đầu tư đúng, đủ, kịp thời để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, đề án nhằm thực hiện các mục tiêu kế hoạch đặt ra.

- Ngân sách cấp tỉnh bảo đảm kinh phí xây dựng, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh.

- Ngân sách cấp huyện đảm bảo việc xây dựng hoàn thiện hạ tầng tại các

huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa. Ngân sách tỉnh hỗ trợ đối với một số địa phương (cấp huyện) khó khăn để bảo đảm kinh phí triển khai các nội dung xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin tại các địa phương nhằm bảo đảm sự kết nối, liên thông giữa các cơ quan nhà nước khi triển khai các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu chung của tỉnh.

e) Giải pháp kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện:

- Thường xuyên kiểm tra, đánh giá kết quả tình hình ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước để có những giải pháp thúc đẩy xử lý kịp thời. Xem xét đưa tiêu chí hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin vào các phong trào thi đua, bình xét khen thưởng định kỳ và đột xuất.

2. Tổ chức thực hiện

a) Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm

- Căn cứ Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin giai đoạn 2011-2015, xây dựng Kế hoạch và dự toán ngân sách ứng dụng công nghệ thông tin hàng năm gửi Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp, cân đối ngân sách cho ứng dụng công nghệ thông tin, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chung trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của các cơ quan.

- Các cơ quan chủ trì các dự án, nhiệm vụ được nêu trong kế hoạch có trách nhiệm tổ chức xây dựng, trình phê duyệt và triển khai các dự án, nhiệm vụ theo quy định hiện hành về quản lý ngân sách nhà nước, bảo đảm sự lồng ghép về nội dung, kinh phí với các chương trình, kế hoạch, dự án chuyên ngành đang triển khai (nếu có) tránh trùng lặp, lãng phí. Cơ quan chủ trì có trách nhiệm gửi hồ sơ dự án cho Sở Thông tin và Truyền thông lấy ý kiến thẩm định thiết kế sơ bộ.

- UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa chỉ đạo phòng Kế hoạch Tài chính hàng năm cân đối bố trí đủ vốn từ nguồn vốn ngân sách huyện đảm bảo việc nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng tại cấp huyện và cơ sở nhằm bảo đảm sự kết nối, liên thông hệ thống mạng giữa các cơ quan nhà nước khi triển khai các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu chung của tỉnh.

- Thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá và báo cáo định kỳ hàng quý, 06 tháng, năm và đột xuất về tình hình thực hiện kế hoạch này về Sở Thông tin và Truyền thông và các sở ngành có liên quan để tổng hợp, báo cáo trình UBND tỉnh.

b) Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm

- Chủ trì tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp, báo cáo việc triển khai thực hiện kế hoạch này.

- Tăng cường hoạt động của Ban chỉ đạo công nghệ thông tin triển khai công tác ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước.

- Chủ trì tổ chức triển khai các dự án dùng chung của tỉnh.

- Tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, các quy định đối với hoạt động ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước.

- Thẩm tra các dự án, đề án, nhiệm vụ trong dự toán ngân sách hàng năm cho ứng dụng công nghệ thông tin của các đơn vị sở, ban, ngành, các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa về mục tiêu, nội dung chuyên môn, tiêu chuẩn kỹ

thuật gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tổng hợp trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt chung trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của các cơ quan.

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền quyết định việc bố trí vốn đầu tư phát triển từ ngân sách tỉnh cho các dự án ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước cấp tỉnh.

- Chịu trách nhiệm chỉ đạo, thanh tra và giám sát việc triển khai các dự án công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

d) Sở Tài chính có trách nhiệm

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền quyết định việc bố trí đủ vốn sự nghiệp từ ngân sách địa phương cho các dự án, nhiệm vụ trong dự toán ngân sách hàng năm cho ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu UBND tỉnh về lĩnh vực tài chính đối với công tác ứng dụng công nghệ thông tin.

- Chịu trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn các phòng Kế hoạch Tài chính thuộc UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa lập dự toán chi sự nghiệp thường xuyên đảm bảo kinh phí duy trì hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin ở cấp huyện, cơ sở theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

e) Sở Nội vụ có trách nhiệm

- Chủ trì và phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ban, ngành liên quan tổ chức triển khai thực hiện các giải pháp nhằm kết hợp chặt chẽ việc triển khai kế hoạch này với Chương trình cải cách hành chính.

- Tổ chức triển khai quy định chế độ trợ cấp thu hút đối với cán bộ, công chức làm công tác công nghệ thông tin tỉnh Đồng Nai đã ban hành tại Quyết định số 10/2010/QĐ-UBND ngày 01/3/2010 của UBND tỉnh.

- Kiểm tra rà soát cán bộ công chức tốt nghiệp chuyên ngành CNTT, bố trí, phân công hợp lý, đảm bảo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu ứng dụng CNTT trong giai đoạn 2011 - 2015.

Trên cơ sở nội dung kế hoạch đã được xây dựng, các ngành các cấp tập trung triển khai thực hiện theo nhiệm vụ được giao thực hiện và phối hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Thông tin và Truyền thông nhằm giải quyết những vướng mắc trong quá trình thực hiện, đồng thời báo cáo kết quả thực hiện 06 tháng và hàng năm để xem xét tổng hợp đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch./.

Nơi nhận:

- Bộ TTTT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành; Công an tỉnh, Ban Tuyên giáo TU;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Chánh, Phó VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CNN, TTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Văn Vĩnh



Phụ lục

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG CƠ QUAN NHÀ NƯỚC TỈNH ĐỒNG NAI GIAI ĐOẠN 2011-2015
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 3898 /KH-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2011 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. NHÓM NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

I. KHAI TOÁN KINH PHÍ:

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Tổng mức đầu tư	Ghi chú
1	Phát triển hạ tầng kỹ thuật	62.800	
2	Các dự án ứng dụng phục vụ công tác chỉ đạo và điều hành	99.800	
3	Dự án dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp	21.200	
4	Công tác đảm bảo an toàn thông tin	6.000	
5	Tiếp tục đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin	2.000	
TỔNG CỘNG		191.800	

II. DANH MỤC DỰ ÁN:

1. Phát triển hạ tầng kỹ thuật

DVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Cơ quan chủ trì	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn dự kiến	Dự án ưu tiên
1	Xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh	Sở TTTT	20.000	NS tỉnh	X
2	Dự án đầu tư Hệ thống Hội nghị Truyền hình trực tuyến triển khai các Nghị quyết của Đảng, các chương trình đào tạo và chỉ đạo điều hành trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	21.000	NS tỉnh	X
3	Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng kết nối các phòng ban trực thuộc đảm bảo ứng dụng công nghệ thông tin tại các huyện, thị xã và thành phố Biên Hòa	UBND các huyện, thị xã và thành phố Biên Hòa	11.000	NS địa phương	X
4	Nâng cấp và mở rộng hệ thống mạng nội bộ của Văn phòng UBND tỉnh	VP. UBND tỉnh	2.500	NS tỉnh	X
5	Trang bị cơ sở hạ tầng CNTT tại Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở GD&ĐT	2.000	NS tỉnh	X

6	Nâng cấp cơ sở hạ tầng CNTT tại Sở Xây dựng	Sở Xây dựng	3.800	NS tỉnh	
7	Xây dựng cơ sở hạ tầng CNTT tại Sở LĐTĐ&XH	Sở LĐTĐ&XH	500	NS tỉnh	
8	Xây dựng cơ sở hạ tầng CNTT tại Sở Ngoại vụ	Sở Ngoại vụ	1.000	NS tỉnh	X
9	Nâng cấp hệ thống mạng nội bộ Sở Công Thương	Sở Công Thương	1.000	NS tỉnh	X

2. Các dự án ứng dụng phục vụ công tác chỉ đạo và điều hành

ĐVT: Triệu đồng

1	Tiếp tục duy trì và nâng cấp ứng dụng CNTT phục vụ quản lý văn bản và điều hành, thực hiện gửi nhận văn bản điện tử trong các cơ quan nhà nước	Sở TTTT	2.000	NS tỉnh	
2	Xây dựng hệ thống quản lý thông tin tổng thể tích hợp các cơ sở dữ liệu của các ngành	Sở TTTT	2.000	NS tỉnh	
3	Ứng dụng chữ ký số trong giao dịch điện tử giữa các cơ quan nhà nước	Sở TTTT	5.000	NS tỉnh	
4	Ứng dụng CNTT phục vụ cho công tác theo dõi, chỉ đạo và điều hành của UBND tỉnh	VP. UBND tỉnh	1.800	NS tỉnh	X
5	Dự án ứng dụng CNTT phục vụ cho công tác chuyên môn nghiệp vụ tại Văn phòng UBND tỉnh	VP. UBND tỉnh	500	NS tỉnh	
6	Phần mềm xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại tố cáo	Thanh tra tỉnh	1.000	NS tỉnh	
7	Nâng cấp phần mềm Đăng ký cấp phép qua mạng	Sở Công Thương	1.000	NS tỉnh	X
8	Nâng cấp các CSDL chuyên ngành	Sở Công Thương	2.400	NS tỉnh	
9	Phần mềm quản lý cấp GCN đầu tư, giới thiệu địa điểm.	Sở KHĐT	400	NS tỉnh	
10	Phần mềm quản lý đầu tư XDCB và công tác đấu thầu.	Sở KHĐT	400	NS tỉnh	
11	Dự án ảo hoá đám mây ứng dụng trong ngành giáo dục đào tạo	Sở KHCN	5.000	NS tỉnh	X
12	Dự án nâng cấp hoàn thiện hệ thống thông tin Tài nguyên và	Sở TNMT	5.000	NS tỉnh	

12	Dự án nâng cấp hoàn thiện hệ thống thông tin Tài nguyên và Môi trường	Sở TNMT	5.000	NS tỉnh	
13	Xây dựng phần mềm CSDL lao động, xã hội và người có công tỉnh Đồng Nai	Sở LĐT&XH	2.500	NS tỉnh	
14	Tích hợp và phát triển cơ sở dữ liệu	Công an tỉnh	3.000	NS tỉnh	
15	Dự án nhân hộ khẩu giai đoạn II	Công an tỉnh	16.000	NS tỉnh	
16	Xây dựng CSDL GIS phục vụ khai thác thông tin quy hoạch và quản lý xây dựng tỉnh Đồng Nai	Sở Xây dựng	8.000	NS tỉnh	
17	Đầu tư trang thiết bị phục vụ số hoá hồ sơ lưu trữ tại Trung tâm lưu trữ tỉnh	Sở Nội vụ	2.000	NS tỉnh	X
18	Triển khai phần mềm quản lý CBCC	Sở Nội vụ	400	NS tỉnh	
19	Cơ sở dữ liệu và phần mềm phục vụ ngành Giáo dục	Sở GD&ĐT	14.000	NS tỉnh	
20	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý ngành Y tế tỉnh Đồng Nai giai đoạn II	Sở Y tế	25.000	NS tỉnh	
21	Phát triển hệ thống CSDL quản lý trực tuyến công tác lãnh sự và Xây dựng trang thông tin điện tử đối ngoại tỉnh Đồng Nai	Sở Ngoại vụ	1.500	NS tỉnh	
22	Triển khai phần mềm dùng chung quản lý văn bản tại thành phố Biên Hòa	TP. Biên Hòa	400	NS địa phương	X
23	Xây dựng Bộ dữ liệu các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	Ban Dân tộc	500	NS tỉnh	

3. Dự án dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Cơ quan chủ trì	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn dự kiến	Dự án ưu tiên
1	Ứng dụng công nghệ thông tin trong mô hình một cửa tại các huyện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	Sở TTTT	3.600	NS tỉnh	X

2	Xây dựng các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4, xây dựng các kênh tiếp nhận ý kiến góp ý, đối thoại trên môi trường mạng tích hợp vào cổng thông tin điện tử tỉnh	Sở TTTT	5.000	NS tỉnh	
3	Xây dựng hệ thống quản lý, cung cấp thông tin và giải quyết hồ sơ bộ phận một cửa tại Sở Xây dựng	Sở Xây dựng	6.000	NS tỉnh	X
4	Nâng cấp công thông tin khoa học công nghệ của tỉnh và Xây dựng bộ công cụ phần mềm phục vụ cải cách hành chính trong cơ quan nhà nước	Sở KHCN	5.000	NS tỉnh	
5	Chương trình cấp phép lao động qua mạng	BQL khu công nghiệp	300	NS tỉnh	
6	Chương trình báo cáo lao động qua mạng	BQL khu công nghiệp	300	NS tỉnh	
7	Chương trình cấp giấy phép đầu tư qua mạng	BQL khu công nghiệp	400	NS tỉnh	
8	Chương trình đối thoại doanh nghiệp qua mạng	BQL khu công nghiệp	600	NS tỉnh	

4. Công tác đảm bảo an toàn thông tin

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Cơ quan chủ trì	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn dự kiến	Dự án ưu tiên
1	Triển khai các hệ thống bao gồm các giải pháp ứng dụng phần cứng, phần mềm, bảo vệ các cơ sở hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin dùng chung và của các ngành nhằm đảm bảo an toàn thông tin trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ quan nhà nước	Sở TTTT	6.000	NS tỉnh	X

5. Tiếp tục đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Cơ quan chủ trì	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn dự kiến	Dự án ưu tiên
1	Đào tạo, tập huấn và bồi dưỡng về CNTT cho CBCC tỉnh Đồng Nai	Sở TTTT	2.000	NS tỉnh	X

B. NHÓM NGUỒN VỐN CHI SỰ NGHIỆP

DVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Cơ quan chủ trì	Tổng mức đầu tư	Ghi chú
1	Chi phí bảo trì, sửa chữa thiết bị tin học tại các cơ quan nhà nước	Các Sở, ngành, địa phương	10.000	
2	Đảm bảo duy trì hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh, duy trì mạng truyền số liệu chuyên dùng.	Các Sở, ngành, địa phương	20.000	
3	Kinh phí phục vụ cho hoạt động của Ban chỉ đạo CNTT tỉnh điều hành triển khai công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước	Sở TTTT	2.500	
	TỔNG CỘNG		32.500	